



ĐỊNH VỊ XÃ HỘI CÔNG DÂN TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

PGS. TS ĐINH VĂN MẬU

Học viện Hành chính Quốc gia

Gần đây, ở nước ta xuất hiện những thuật ngữ có tính xã hội, được phương Tây dùng đã lâu nhưng còn mới đối với xứ ta, như: *xã hội dân sự, xã hội công dân*. Vì chỉ được đặt tên và ít thông tin được dịch ra tiếng Việt nên quan niệm, nhận diện về nó còn nhiều khác biệt. Do vậy, để hiểu hiện tượng này thì cần nghiên cứu nó một cách bài bản.

Trong lộ trình của nghiên cứu, bài viết này chỉ tìm tòi, suy ngẫm để có nhận thức về *xã hội công dân* từ góc nhìn định vị nó trong xã hội Việt Nam hiện nay.

1. Tiếp cận thuật ngữ *xã hội công dân*.

Tiếp cận trong nghiên cứu xã hội, nhìn chung, đều từ chỗ đứng của mình trong hiện tại để khái quát kinh nghiệm của quá khứ và nhằm đi vào tương lai. Hiện tại liên tục qua đi, là cái giao thời giữa quá khứ và tương lai và ranh giới này hiện hữu, sống động. Đối với sự sống hiện tại là quan trọng nhất, tương lai là hấp dẫn nhất, quá khứ là phong phú nhất¹. Từ phương pháp và mục tiêu nghiên cứu này, có lẽ sẽ luận giải được đôi điều về khái niệm *xã hội công dân* đang hiện tồn.

Quan tâm tới quá khứ sẽ làm giàu hiện tại và tương lai. Từ góc nhìn văn minh nhân loại, loài người trải qua ba thời kỳ tương tác: nhân quần, xã hội, siêu xã hội. Đặc trưng của nhân quần là tự quản. Sự khác biệt của xã hội với nhân quần là sự xuất hiện quốc gia có quản lý của nhà nước và sự lớn dần của sự hợp tác đa phương, song phương, toàn cầu hoá tạo

dẫn một thể chế siêu quốc gia, liên quốc gia được thực hiện bằng sự hình thành hệ thống tay đôi, tay ba và ở mức cao hơn là theo ý thức hệ. Theo ý thức hệ được phân biệt thành xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội xã hội chủ nghĩa. Nói như nhà nghiên cứu Trung Quốc, xã hội chia làm hai họ: “họ xã” và “họ tư” đối đầu bằng chiến tranh lạnh. Sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa mở ra sự lựa chọn của từng quốc gia theo hệ tư tưởng mà họ muốn theo đuổi, nhưng vẫn giữ lại dưới hình thức mới của quan hệ quốc tế như G8, Liên minh châu Âu EU, ASEAN và Liên hợp quốc.

Trong tiến triển của nền văn minh nhân loại, mỗi quốc gia định hướng sự phát triển của mình. *Hệ thống xã hội tư bản* đã xây dựng kinh tế thị trường, hoặc là thị trường tự do hoặc là thị trường xã hội, thiết lập nhà nước pháp quyền, tạo môi trường cho *xã hội công dân* phát triển theo hướng tự do, tự quản. *Hệ thống xã hội chủ nghĩa* chủ trương xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, tạo lập nhà nước kiểu mới chuyên chính vô sản và từng bước hướng tới nhà nước xã hội chủ nghĩa phát triển song tồn với hệ thống các tổ chức chính trị - xã hội, bao gồm công đoàn, đoàn thanh niên, liên hiệp phụ nữ v.v. đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng cộng sản hoặc nếu có một vài đảng phái thừa nhận sự lãnh đạo duy nhất của Đảng cộng sản đối với nhà nước.

Sự tan rã của Liên Xô kéo theo việc phá vỡ các nhà nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã làm mất đi một hệ thống đối lập với hệ

thống tư bản chủ nghĩa. Trong tiến trình sau những năm 90, các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, các nước thế giới thứ ba và cả các nước kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa đều từng bước thừa nhận 3 yếu tố: *kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội công dân*.

Thứ nhất, kinh tế thị trường với quan hệ “không ai cho không ai dù chỉ một xu” đã tạo ra một cộng đồng doanh nghiệp vì lợi nhuận. Hoạt động đó được phân biệt với chức năng nhà nước, mà hầu hết các quốc gia có nền kinh tế thị trường đều quy định công chức nhà nước không được làm chủ doanh nghiệp. Đồng thời, một nền kinh tế thị trường đích thực đều đòi hỏi và định chế rằng kinh doanh và dịch vụ công cộng phải tách khỏi công quyền. Trong điều kiện ấy, phần lớn cư dân là lực lượng tự do lựa chọn cách thức tìm việc làm ở doanh nghiệp hoặc các tổ chức dịch vụ công và trong phạm vi làm công ăn lương ấy, những công dân và kiều dân trở thành nhân tố đông đảo tham gia vào cộng đồng doanh nghiệp và dịch vụ. Họ có thể tổ chức đình công, bãi thị gây áp lực với giới chủ, nhưng mục tiêu là đòi hỏi lợi ích chứ không nhằm thoát ra hoặc phá vỡ trật tự ấy. Như vậy, giới chủ và giới thợ về cơ bản tạo thành một cộng đồng lợi ích, có thể gọi là *xã hội kinh tế*.

Thứ hai, nhà nước dưới góc nhìn vật chất hoá là hệ thống tổ chức bộ máy bao gồm các cơ cấu thể hiện mối quan hệ của các chức vụ, chức danh nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn của nhà nước. Nhưng trong chính thể dân chủ cộng hoà thì nhà nước chỉ là một thành tố trong các thiết chế chính trị, song tồn cùng đảng chính trị luôn có xu hướng nắm lấy quyền lực nhà nước và các tổ chức xã hội tham gia trực tiếp bằng phương thức phối hợp hoặc gây áp lực với quyền lực chính trị. Trong mối quan hệ chính trị đó, nhà nước được khẳng định là trung tâm của quyền lực chính trị, là trụ cột của hệ thống chính trị.

Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước về căn bản được tách khỏi hoạt động doanh nghiệp, dịch vụ để thực hiện chức

năng bảo đảm và bảo vệ tự do, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức. Do vậy, từng bước nhà nước phải trở thành nhà nước pháp quyền, như là một tổ chức xã hội được uỷ quyền để thiết chế khung khổ pháp lý trên cơ sở đồng thuận xã hội để hướng tới kinh tế thị trường và quản lý theo pháp luật nhằm phục vụ các nhu cầu công cộng chính đáng của xã hội và bảo vệ trước sự xâm hại tới tính hợp pháp.

Thứ ba, vậy *xã hội công dân* là gì và có vị thế như thế nào trong xã hội? Cách tiếp cận quen thuộc nhất, dễ được chấp nhận nhất là nó lấp khoảng trống giữa *xã hội kinh tế* và *xã hội chính trị* được phân định chức năng chính trị của đảng chính trị, nhà nước và các tổ chức được uỷ quyền quyền lực chính trị.

Xã hội công dân và *xã hội kinh tế* nằm trọn vẹn ở đời sống dân sự, nó là biểu thị của sự đa dạng mục đích của xã hội và không có quyền lực công, không thuộc khu vực công, nhưng một phía thì hướng tới kiếm lời, còn phía khác vì lợi ích công. Chúng đều quan hệ với chính trị, trước hết và trực tiếp là nhà nước, nhưng phương thức quan hệ có những điểm chung và có những đặc thù.

2. Xã hội công dân trong mối liên hệ với nhà nước.

Trong tổ chức xã hội đương thời nếu chia hai thì có hai khái niệm: *chính trị* và *dân sự*. *Chính trị* với ý nghĩa tác động định hướng, giải pháp đối với lợi ích quốc gia, nhóm và cộng đồng thì nó được thực hiện bởi đảng chính trị, nhà nước và sự tham gia của xã hội. Trong sự tác động đó, nhà nước là một thiết chế nổi trội, trực tiếp với tư cách là trung tâm tác động vào dân. *Dân sự* với tư cách là đối tượng chịu sự tác động của quyền lực chính trị trong quá trình thực hiện các quyền và lợi ích của mình, nhưng chính nó là cơ sở cho sự tồn tại của chính trị và ảnh hưởng có tính quyết định đối với chính trị. Do vậy, theo nghĩa rộng, *xã hội công dân* là xã hội ngoài hệ thống chính trị, ngoài tổ chức nhà nước. Công dân bước vào công sở phải bỏ ở ngoài những gì thuộc về *xã hội công dân* để thực thi pháp luật như là quy tắc đạo đức của

công vụ. Có nghĩa là *công dân* được phân biệt với *công chức* ở khía cạnh nhân cách. Nhân cách của người phục vụ nhà nước (công vụ) phải có những khác biệt có tính bản chất với người tự quản lý mình, mưu sinh cho mình với tư cách công dân quốc gia.

Theo nghĩa hẹp, nghĩa là lấy tiêu chí lợi nhuận và phi lợi nhuận làm căn cứ, thì *xã hội công dân* thuộc khu vực phi lợi nhuận, là bộ phận thứ ba song tồn với nhà nước và thị trường. Có thể kể tên, gồm tổ chức phi chính phủ, tổ chức cộng đồng, các nghiệp đoàn, các phong trào xã hội, các câu lạc bộ, các trung tâm nghiên cứu, các quỹ, các tổ chức cha mẹ học sinh, các tổ chức từ thiện, các tổ chức tôn giáo v.v. theo cách nói hiện nay, là các tổ chức tự hoạt động vì lợi ích công².

Xã hội công dân có quá trình phát triển của mình.

- Nếu lấy kinh tế thị trường làm chỗ đứng để đánh giá sự phát triển của *xã hội công dân* thì có thể chia làm 2 thời kì; chắc chắn rằng trước kinh tế thị trường *xã hội dân sự* ít tự do và tự quản hơn.

- Nếu lấy hội nhập quốc tế là căn cứ thì trước xu thế toàn cầu hoá và nền văn hoá mạng như hiện nay, thì trước đây *xã hội công dân* nhiều tính quốc gia, ít tính quốc tế hơn.

- Nếu căn cứ vào mức độ dân chủ hoá thì *xã hội công dân* hiện nay cởi mở hơn, có áp lực với quyền lực hơn và sôi động hẳn lên.

- Nếu lấy lĩnh vực nhân văn làm đối tượng tác động thì *xã hội công dân* ngày càng có vai trò hơn trong nâng cao năng lực con người, bảo vệ chăm sóc sức khoẻ con người, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Trong sự phát triển đó, *xã hội công dân* luôn có mối liên hệ mật thiết với quyền lực nhà nước. Nhà nước quan hệ với *xã hội công dân* theo hướng nào? Nhìn lại quá trình dự thảo và thảo luận Dự luật về Hội ở nước ta giai đoạn vừa qua có thể rút ra được nhiều điều về mối quan hệ giữa nhà nước với *xã hội công dân* theo quan niệm hiện nay.

Thứ nhất, chúng ta chưa thống nhất được ý chí để xây dựng một *xã hội công dân* thật sự. Còn những lo ngại mở rộng các tổ chức thuộc *xã hội dân sự* vì sợ không quản được, mất quyền chủ quản, với lý do gắn liền với an ninh quốc phòng. Từ đó xuất hiện ý tưởng không quản được thì cấm.

Thứ hai, chưa nhận thức (hiểu biết) rõ ràng về hội. Vẫn lẩn tránh giữa tổ chức chính trị - xã hội với các tổ chức hội hoặc vì lợi ích của bộ máy hội mà tìm cách lái tổ chức *xã hội công dân* gắn với nhà nước như bộ phận được chủ quản. Vẫn e ngại khi các kiều dân tham gia vào hội quốc gia bằng cách viện dẫn những lý do không phù hợp với nền kinh tế hội nhập và xu thế toàn cầu hoá. Cần xác định rõ: *xã hội công dân* là phi lợi nhuận và phi quyền lực nhà nước. Cần phải nhấn mạnh tính phản biện, giám sát và áp lực đối với quyền lực nhà nước nhằm bảo đảm, bảo vệ *xã hội công dân*.

Thứ ba, chưa sẵn sàng tạo nhân lực và vật lực ủng hộ sự hình thành từng bước và phát triển đúng đắn một *xã hội công dân* lành mạnh. Tiếc rằng những tri thức về xã hội học, dân tộc học, tâm lý học và chính trị học, hành chính học chưa được hướng tới tăng cường năng lực của các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp trẻ. Phải đào tạo nguồn nhân lực có tri thức về *xã hội công dân* và từ đó, tự họ sẽ tạo lập các tổ chức lành mạnh trong hệ thống đa dạng, phong phú của *xã hội công dân*.

Thứ tư, chưa có đội ngũ công chức có năng lực nhận thức sâu sắc về *xã hội công dân* để thiết chế phương hướng, khung pháp luật, chính sách phù hợp nhằm tạo lập một *xã hội công dân* trong không gian tự do lập hội và tự quản hội. Tư duy bộ chủ quản còn nặng nề trong quản lý hội làm cho thiết chế hội mang đậm tính hệ cấp trong mối quan hệ với nhà nước.

Thứ năm, *xã hội công dân* phát triển theo quy luật của kinh tế thị trường. Nhà nước không thừa nhận thì nó vẫn tồn tại ngoài pháp luật. Trong xã hội mà còn nhiều hành vi ngoài pháp luật sẽ phương hại lớn đến sự lành mạnh của thị trường, sẽ

(Xem tiếp trang 8).

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

có tính hội nhập, năng động, thích ứng nhanh sẽ phù hợp trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuyển chọn cán bộ lãnh đạo cần hướng tới có sự cạnh tranh lành mạnh thông qua thi tuyển hay các đề án, chương trình hành động cá nhân đối với một vị trí nhất định. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy mọi người phấn đấu, tiến thủ, là phương pháp hữu hiệu để nhân tài phát triển, đồng thời là phương pháp dùng người theo đức - tài chứ không phải theo quan hệ cá nhân. Khi tuyển chọn cán bộ cần kết hợp nhiều yếu tố như bằng cấp, kinh nghiệm công tác, phẩm chất tâm lý, đạo đức, khả năng giao tiếp, thành tích thực tế,... của người đó.

Sử dụng cán bộ đúng sở trường, đúng năng lực là điều kiện để phát triển mỗi cá nhân và tổ chức. Con người phát triển khi được phát huy tối đa khả năng sẵn có và được làm việc trong một môi trường thích hợp. Điều cần tránh nhất của cán bộ lãnh đạo hành chính khi sử dụng cán bộ là tính đố kỵ và “bỏ rơi”, tức là ganh ghét với người có năng lực và không giao việc cho người mà mình không thích. Cách sử dụng nhân lực một cách lãng phí như vậy vẫn thường xảy ra khi cơ quan mất đoàn kết.

Bồi dưỡng và đề bạt cán bộ là khâu quan trọng khi sử dụng nhân lực trong cơ quan hành chính vì nó động viên được nhân tài và khẳng định tầm nhìn của cán bộ lãnh đạo đối với lớp người kế cận. Bồi dưỡng thông qua đào tạo và giao việc cụ thể để nhìn nhận sự phát triển của mỗi cán bộ. Khi một cán bộ có đủ điều kiện, cần đề bạt, tức là công nhận sự đóng góp của họ đối với tập thể. Nhưng đối với nền hành chính, chức vụ chỉ có hạn, không thể đề bạt mà không có vị trí, không có bộ máy; do vậy, khi chưa bố trí được vị trí lãnh đạo cho một cán bộ đã đủ tâm cần có sự động viên tư tưởng.

Thừa nhận và bảo vệ người tài là một nghệ thuật lãnh đạo của cán bộ lãnh đạo khi cấp dưới có năng lực được trọng dụng, sự thừa nhận tức là có sự ủng hộ, khuyến khích và bố trí vào một vị trí tương xứng.

Tuy nhiên, người tài thường có nhiều người đố kỵ, đặc biệt, người đó lại được cán bộ lãnh đạo ủng hộ; do vậy, sự bảo vệ của cán bộ lãnh đạo để họ vững tin và tiếp tục phát triển là rất cần thiết.

3. Để có nghệ thuật dùng người, cán bộ lãnh đạo hành chính phải có những phẩm chất tâm lý nào theo tiêu chuẩn chung? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi và phỏng vấn 125 cán bộ lãnh đạo từ phó trưởng phòng trở lên đến vụ trưởng thuộc các bộ, ngành ở trung ương, giám đốc sở thuộc các chính quyền địa phương đang tham gia các khoá đào tạo (đại học và sau đại học), bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước do Học viện Hành chính Quốc gia mở. Kết quả điều tra được thể hiện ở bảng “Các yêu cầu về phẩm chất tâm lý của người lãnh đạo” dưới đây (xếp theo thứ tự tỉ lệ từ cao xuống thấp):

STT	Phẩm chất tâm lý	Tỉ lệ (%)
1	Trung thực, lương thiện	92
2	Tâm nhìn	85
3	Truyền cảm hứng	71
4	Có năng lực	71
5	Thông minh, kiến thức xã hội rộng	68
6	Công bằng	65
7	Thể hiện lòng tin vào cấp dưới	62
8	Hợp tác	62
9	Đáng tin cậy	52
10	Thẳng thắn	41
11	Hỗ trợ, giúp đỡ	35
12	Kiên quyết	32
13	Tham vọng	25
14	Can đảm	21
15	Chu đáo	20
16	Chín chắn	18
17	Giàu tưởng tượng	18
18	Tự chủ	16
19	Trung thành	16
20	Độc lập	12